

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 52/2017/HNGĐ-ST

Ngày 31/8/2017

*“V/v tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung
giữa chị C và anh D”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH T**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Đức Nhân

2. Bà Ngô Thị Tinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên-Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền-Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 171/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2017/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện Q, tỉnh T

Bị đơn: Anh Đỗ Văn D, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn Đ, xã G, huyện Q, tỉnh T

(Tại phiên tòa có mặt chị C, anh D vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị C trình bày: Chị và anh Đỗ Văn D tự nguyện tìm hiểu dẫn đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 11, thị xã L, tỉnh T vào ngày 12/12/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại tỉnh Đ, chị là giáo viên còn

anh D công tác tại Công ty Thương mại Dầu khí Đ. Tình cảm vợ chồng hòa thuận đến tháng 10/2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh D không có trách nhiệm với gia đình. Tháng 8/2013 chị chuyển công tác về quê ở huyện Q, tỉnh T; tháng 8/2016 anh D cũng chuyển về tỉnh T công tác, sau đó anh bị tai nạn nên phải nghỉ việc. Theo chị, quá trình vợ chồng chung sống ở tỉnh Đ cho đến khi về quê ở tỉnh T luôn bất hòa dẫn đến không có hạnh phúc. Từ tháng 5/2017, chị đã đưa con về ở với bố mẹ đẻ và làm đơn xin ly hôn anh D. Tại phiên tòa chị xác định không còn tình cảm và không muốn kéo dài cuộc hôn nhân với anh D, chị xin được ly hôn anh D.

Chị và anh D có 01 con chung là Đỗ Văn Hùng D1 sinh ngày 30/4/2006, hiện con chung đang ở với chị, chị xin được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung, hiện tại chị không có thai nghén gì.

Vợ chồng không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Đỗ Văn D: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh D không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng, Tòa án đã về địa phương để giao thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải trực tiếp cho anh D. Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/6/2017, anh D trình bày về thời gian, điều kiện và hoàn cảnh kết hôn thống nhất như chị C đã trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng, anh cho rằng nguyên nhân do chị C không hợp với lối sống của gia đình anh, bản thân anh hay uống rượu dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, từ tháng 5/2017 chị C đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã X, huyện Q sinh sống, anh không đến tìm mà chỉ gọi điện cho chị C về, nhưng chị C không về. Nay chị C có đơn xin ly hôn, anh không đồng ý, anh cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh vẫn còn thương yêu mẹ con chị C; anh xác nhận vợ chồng có một con chung như chị C khai, nếu phải ly hôn anh có nguyện vọng xin được nuôi con chung và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con; anh khai vợ chồng không có tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh D đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh từ chối ký tên vào tất cả các văn bản trên và có ý kiến, vì lý do sức khỏe, anh không đến Tòa án để tham gia tố tụng, anh đề nghị xin được vắng mặt tại phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh T về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt, do đó Viện kiểm sát không đưa ra quan điểm chấp hành pháp luật của bị đơn tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Đỗ Văn D; giao cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Văn Hùng D1sinh ngày 30/4/2006, chị C không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh D, khi nào các đương sự yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết, anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung; về tài sản không đặt ra giải quyết; chị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Đỗ Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Q tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị C và anh Đỗ Văn D xác lập trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường 11, thị xã L, tỉnh T cấp đăng ký kết hôn số 127, quyển số 01 ngày 12/12/2005 là hôn nhân hợp pháp. Nay chị C xin ly hôn vì cuộc sống vợ chồng luôn bất hòa do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài từ năm 2007 cho đến nay, không thể mang lại hạnh phúc cho nhau. Mặc dù anh D xin đoàn tụ và cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh vẫn còn thương yêu vợ con, nhưng anh xác nhận do chị C không hợp với lối sống của gia đình anh và thừa nhận bản thân anh hay uống rượu dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ khi chị C bỏ về sinh sống với bố mẹ đẻ, tuy anh bị tai nạn nhưng không ảnh hưởng đến việc đi lại, nhưng anh cũng chỉ điện thoại chứ không đến tìm hay có biện pháp gì thể hiện anh muốn chị C quay về đoàn tụ. Mặt khác, Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng anh không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải cũng như phiên tòa, điều đó cho thấy anh không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị C. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị C, xử cho chị C được ly hôn anh D là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con chung: Chị C và anh D đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Văn Hùng D1sinh ngày 30/4/2006, hiện con chung đang ở với chị C. Xét

nguyện vọng của anh chị đều xin được nuôi con chung là chính đáng, nhưng qua xác minh với chính quyền địa phương xã G và xã X đều cho thấy: Hiện tại chị C là giáo viên tiểu học, có thu nhập ổn định và có điều kiện chăm sóc con tốt; còn anh D hiện chưa có việc làm, sau khi bị tai nạn sức khỏe yếu, do đó nếu giao con cho anh D sẽ khó khăn cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cho con chung cũng như nguyện vọng của con chung xin được ở với mẹ, cần chấp nhận yêu cầu của chị C, xử giao con chung cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Do chị C không yêu cầu anh D cấp dưỡng cho con, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho con cho anh D, khi nào các đương sự yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết, anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung là phù hợp quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về chia tài sản: Chị C và anh D đều khai vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Chị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị C, anh D có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 227, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Đỗ Văn D.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Văn Hùng D1 sinh ngày 30/4/2006. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho con cho anh Đỗ Văn D, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết.

Anh Đỗ Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*)

chị C đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số số 0003335 ngày 23 tháng 6 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh T thành tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Đỗ Văn D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Q;
- UBND phường 11, TX. L, Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hương Liên